SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÀ MAU
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Ngày thi: 25/4/2026
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: …….. Số báo danh: …… **Mã đề 0601**

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới của nước ta hiện nay thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?
A. Hải Phòng. **B.** Quảng Trị. **C.** Ninh Bình. **D.** Quảng Ninh.

Câu 2. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào
A. cơ sở vật chất kĩ thuật rất tốt. **B.** nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
C. nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. **D.** nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 3. Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, Cát Bi thuộc vùng kinh tế - xã hội nào sau đây của nước ta hiện nay?
A. Đông Nam Bộ. **B.** Nam Trung Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

Câu 4. Bão ở nước ta thường kèm theo thiên tai nào sau đây?
A. Ngập lụt. **B.** Cháy rừng. **C.** Hạn hán. **D.** Sóng thần.

Câu 5. Nhà máy nhiệt điện nào sau đây chạy bằng than của nước ta có công suất lớn nhất hiện nay?
A. Na Dương. **B.** Phả Lại. **C.** Uông Bí. **D.** Phú Mỹ.

Câu 6. Tác động tích cực của đô thị hóa đến kinh tế của nước ta là
A. chuyển dịch cơ cấu lao động. **B.** hình thành cảnh quan hiện đại.
C. lối sống đô thị phổ biến rộng rãi. **D.** thúc đẩy GDP tăng trưởng nhanh.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến việc phải hình thành và phát triển cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của Bắc Trung Bộ?
A. Thiên nhiên phân hóa theo chiều bắc - nam. **B.** Dãy Trường Sơn chạy dọc suốt phía tây.
C. Thiên nhiên phân hóa theo chiều đông - tây. **D.** Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.

Câu 8. Cho biểu đồ sau:

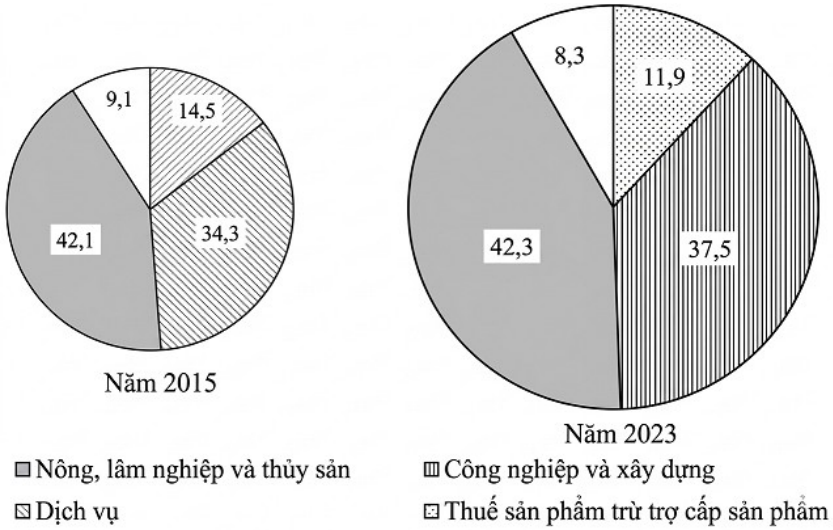

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2015 và 2023 (%)
(Niên giám thống kê Việt Nam, 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên?
A. Năm 2023 so với 2015, tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng, tỉ trọng dịch vụ giảm.
B. Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng luôn cao nhất.
C. Tỉ trọng dịch vụ luôn cao hơn nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
D. Năm 2023 so với năm 2015, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng tăng 3,0%.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không đúng với vai trò của khu công nghiệp ở nước ta?
A. Chỉ tập trung sản xuất hàng xuất khẩu. **B.** Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

C. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao. **D.** Tiếp nhận kĩ thuật, công nghệ tiên tiến.

Câu 10. Ý nghĩa nào sau đây là chủ yếu đối với việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Nam Trung Bộ?

A. Tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế.

B. Tăng chất lượng nông sản, mở rộng thị trường xuất khẩu.

C. Đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo sức hút với đầu tư.

D. Thu hút dân cư từ các vùng khác, tạo ra nhiều việc làm.

Câu 11. Vùng biển nước ta có thế mạnh nào để phát triển ngành khai thác hải sản?

A. Nhiều khoáng sản có giá trị cao. **B.** Vùng biển có nhiều bãi tắm đẹp.

C. Bờ biển nhiều vịnh biển kín gió. **D.** Nguồn lợi sinh vật biển dồi dào.

Câu 12. Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

A. Gió phơn Tây Nam. **B.** Tín phong bán cầu Bắc. **C.** Gió mùa Đông Bắc. **D.** Gió mùa Tây Nam.

Câu 13. Trung du và miền núi phía Bắc có thế mạnh lớn nhất về

A. khai thác khoáng sản. **B.** chăn nuôi gia cầm.

C. trồng cây lương thực. **D.** công nghiệp nhiệt điện.

Câu 14. Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. tài nguyên khoáng sản hạn chế. **B.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn.

C. tài nguyên rừng đang suy giảm. **D.** triều cường ngập trên diện rộng.

Câu 15. Điểm cực Bắc của nước ta hiện nay thuộc ở tỉnh nào sau đây?

A. Khánh Hòa. **B.** Tuyên Quang. **C.** Cà Mau. **D.** Điện Biên.

Câu 16. Quy mô dân số của nước ta

A. tăng nhanh thêm. **B.** ngày càng giảm. **C.** tăng chậm lại. **D.** không thay đổi.

Câu 17. Nội dung nào sau đây đúng với cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay?

A. Tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước. **B.** Hạn chế mở rộng các vùng chuyên canh.

C. Tốc độ chuyển dịch diễn ra nhanh chóng. **D.** Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 18. Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng cây công nghiệp lớn chủ yếu là do

A. địa hình rất đa dạng, nhiều đất badan nhất nước, hệ thống sông ngòi dày đặc.

B. địa hình khá bằng phẳng, đất thích hợp cho cây trồng, khí hậu cận xích đạo.

C. lượng mưa rất lớn, có nhiều công trình thủy lợi, khí hậu nhiệt đới gió mùa.

D. khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nguồn nước tưới lớn, sinh vật đa dạng.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Năm 2024, dân số của Đồng bằng sông Hồng có khoảng 24,8 triệu người, mật độ dân số là 1037 người/km², tỉ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm 39,6%, đây là vùng có tỉ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước. Ngoài ra Đồng bằng sông Hồng là vùng có truyền thống văn hoá và lịch sử lâu đời nhất nước ta. Trong vùng, có nhiều di sản văn hoá thế giới, nhiều di tích lịch sử - văn hoá, các giá trị văn hoá truyền thống, lễ hội,...

a) Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước hiện nay.

b) Do dân số đông, mật độ dân số cao nên Đồng bằng sông Hồng là vùng tập trung nhiều khu công nghiệp nhất cả nước.

c) Ở Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống chủ yếu do có nhiều dân tộc cùng chung sống.

d) Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ cao là điều kiện thuận lợi để Đồng bằng sông Hồng phát triển các ngành công nghệ cao.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Địa hình của miền khá phức tạp, gồm các khối núi, các cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng ven biển. Đất của miền đa dạng gồm đất feralit, đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn, đất xám trên phù sa cổ và đất cát. Miền có khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm, biên độ nhiệt nhỏ và khí hậu có sự phân mùa rõ rệt.

a) Nội dung trên là đặc điểm của miền địa lí tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
b) Điều kiện tự nhiên của miền tạo thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
c) Đất phèn và đất mặn diện tích ngày càng tăng chủ yếu do biến đổi khí hậu và suy giảm nước ngọt thượng nguồn, đòi hỏi giải pháp chuyển đổi sinh kế theo hướng thích ứng với tự nhiên.
d) Miền này có nền nhiệt độ cao, biên độ nhiệt độ năm nhỏ chủ yếu do vị trí nằm gần xích đạo và chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

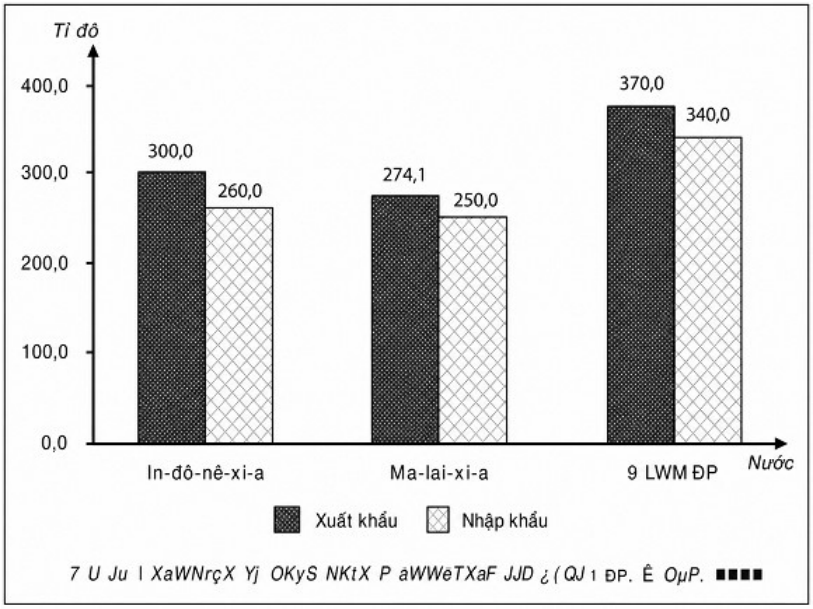

(Niên giám thống kê Việt Nam, 2024, Nxb Thống kê)

a) Trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a thấp nhất.
b) Trị giá xuất khẩu của Việt Nam cao nhất.
c) Trong cán cân thương mại, Ma-lai-xi-a xuất siêu cao hơn In-đô-nê-xi-a.
d) Cán cân thương mại của Việt Nam xuất siêu.

Câu 4. Cho thông tin sau:
Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của nước ta, nông nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự ổn định và phát triển của đất nước, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Sản xuất nông nghiệp phân bố ngày càng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, tạo ra được nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị.

a) Nước ta hiện nay có khối lượng nông sản xuất khẩu lớn do đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa.
b) Để nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp, giải pháp quan trọng nhất là tăng cường sự đầu tư của các doanh nghiệp vào các hoạt động nông nghiệp.
c) Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng ở nước ta, tỉ trọng ngành nông nghiệp càng tăng trong cơ cấu kinh tế.
d) Phát triển nông nghiệp góp phần khai thác hợp lí các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.
Câu 1. Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là 786,9 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu hàng hóa là 405,9 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).
Câu 2. Cho bảng số liệu:
Lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Vinh năm 2024
(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	110,5	32,1	55,2	14,2	150,1	60,2	224,0	22,2	882,5	403,2	148,5	43,4

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa trung bình năm của năm 2024 tại trạm quan trắc Vinh đạt bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước, vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2020 và 2023

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2020	2023
Cả nước	4847645,3	5913743,7
Đồng bằng sông Hồng	1133379,9	2699757,8

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đồng bằng sông Hồng năm 2023 so với năm 2020 tăng lên bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4. Năm 2023, số dân của nước ta là 100,3 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 38,1%. Hãy cho biết số dân thành thị năm 2023 của nước ta là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5. Năm 2024, dân số của nước ta là 101,3 triệu người, tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 47,85 triệu tấn. Hãy cho biết bình quân lương thực trên đầu người ở nước ta năm 2024 là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Vũng Tàu năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2020	26,6	26,4	27,9	29,5	30,3	28,9	28,6	28,2	28,5	27,3	27,7	26,8
2024	26,9	27,6	28,3	30,1	30,8	29,4	28,1	29,2	28,1	28,4	28,4	27,0

(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020 và 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm của năm 2024 tại trạm quan trắc Vũng Tàu cao hơn bao nhiêu °C so với nhiệt độ không khí trung bình năm của năm 2020? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	B	D	D	A	B	D	C	C	A
Câu	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**
Đáp án	A	D	B	A	B	B	C	D	B

Phần II

Câu	a	b	c	d
1	Đ	S	S	Đ
2	Đ	S	Đ	S
3	S	Đ	S	Đ
4	Đ	S	S	Đ

Phần III

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	24,9	179	22,3	38,2	472	0,5

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án

Câu 1. Đáp án B. Quảng Trị.
Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính hiện nay thuộc tỉnh Quảng Trị. Vì vậy chọn **B**.

Câu 2. Đáp án D. Nguồn nguyên liệu phong phú.
Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản. Nước ta có nông sản, thủy sản phong phú nên đây là cơ sở chủ yếu để phát triển ngành này. Chọn **D**.

Câu 3. Đáp án D. Đồng bằng sông Hồng.
Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn thuộc Quảng Ninh, Cát Bi thuộc Hải Phòng. Cả Quảng Ninh và Hải Phòng hiện nay đều thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng. Chọn **D**.

Câu 4. Đáp án A. Ngập lụt.
Bão thường gây mưa lớn, nước biển dâng, gió mạnh. Mưa lớn kéo dài dễ gây ngập lụt, lũ quét, sạt lở. Trong các phương án đã cho, thiên tai thường kèm theo bão nhất là **ngập lụt**. Chọn **A**.

Câu 5. Đáp án B. Phả Lại.
Trong các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than nêu ở đề, Phả Lại có công suất lớn hơn Na Dương, Uông Bí. Phú Mỹ chủ yếu là nhiệt điện khí, không phải chạy bằng than. Chọn **B**.

Câu 6. Đáp án D. Thúc đẩy GDP tăng trưởng nhanh.
Đô thị hóa có tác động tích cực đến kinh tế vì góp phần mở rộng thị trường, phát triển công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó tác động rõ nhất về kinh tế là thúc đẩy GDP tăng trưởng nhanh. Chọn **D**.

Câu 7. Đáp án C. Thiên nhiên phân hóa theo chiều đông - tây.
Bắc Trung Bộ có lãnh thổ hẹp ngang, phía tây là núi, gò đồi; phía đông là đồng bằng ven biển và biển. Sự phân hóa tự nhiên theo chiều đông - tây tạo điều kiện hình thành cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: miền núi phát triển lâm nghiệp, gò đồi phát triển cây công nghiệp/chăn nuôi, ven biển phát triển thủy sản. Chọn **C**.

Câu 8. Đáp án C. Tỉ trọng dịch vụ luôn cao hơn nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
Từ biểu đồ: năm 2015, dịch vụ là ${42,1%}$, nông - lâm - thủy sản là ${14,5%}$; năm 2023, dịch vụ là ${42,3%}$, nông - lâm - thủy sản là ${11,9%}$. Như vậy dịch vụ luôn cao hơn nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
A sai vì tỉ trọng nông - lâm - thủy sản giảm từ ${14,5%}$ xuống ${11,9%}$, dịch vụ tăng nhẹ từ ${42,1%}$ lên ${42,3%}$.
B sai vì khu vực dịch vụ mới là cao nhất, không phải công nghiệp và xây dựng.
D sai vì công nghiệp và xây dựng tăng từ ${34,3%}$ lên ${37,5%}$, tức tăng $37,5 - 34,3 = 3,2%$, không phải ${3,0%}$. Chọn **C**.

Câu 9. Đáp án A. Chỉ tập trung sản xuất hàng xuất khẩu.
Khu công nghiệp có vai trò thu hút vốn đầu tư, tiếp nhận công nghệ, tạo việc làm, đào tạo lao động, thúc đẩy công nghiệp hóa. Tuy nhiên khu công nghiệp không chỉ tập trung sản xuất hàng xuất khẩu mà còn sản xuất hàng phục vụ thị trường trong nước. Vì vậy phát biểu không đúng là **A**.

Câu 10. Đáp án A. Tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế.
Nam Trung Bộ có nhiều cây công nghiệp như mía, thuốc lá, bông, dừa, điều,... Việc đẩy mạnh chế biến giúp nâng cao giá trị sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa, giảm xuất thô. Ý nghĩa chủ yếu là tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và nâng cao giá trị kinh tế. Chọn **A**.

Câu 11. Đáp án D. Nguồn lợi sinh vật biển dồi dào.
Để phát triển khai thác hải sản, điều kiện quan trọng nhất là nguồn lợi sinh vật biển phong phú, nhiều ngư trường, nhiều loài cá, tôm, mực. Các phương án khác phù hợp hơn với khoáng sản biển, du lịch biển hoặc giao thông biển. Chọn **D**.

Câu 12. Đáp án B. Tín phong bán cầu Bắc.
Mùa khô ở Nam Bộ chủ yếu do tác động của tín phong bán cầu Bắc, gây thời tiết khô, ít mưa. Gió mùa Tây Nam lại gây mưa cho Nam Bộ, còn gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng mạnh hơn ở miền Bắc. Chọn **B**.

Câu 13. Đáp án A. Khai thác khoáng sản.
Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu khoáng sản bậc nhất nước ta, có than, sắt, đồng, chì, kẽm, apatit,... Vì vậy thế mạnh lớn nhất trong các phương án là khai thác khoáng sản. Chọn **A**.

Câu 14. Đáp án B. Diện tích đất phèn, đất mặn lớn.
Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều đất phù sa màu mỡ nhưng hạn chế lớn là diện tích đất phèn, đất mặn lớn, nhất là trong điều kiện xâm nhập mặn gia tăng. Đây là trở ngại lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Chọn **B**.

Câu 15. Đáp án B. Tuyên Quang.
Điểm cực Bắc của nước ta ở khu vực Lũng Cú, sau sắp xếp đơn vị hành chính hiện nay thuộc tỉnh Tuyên Quang. Chọn **B**.

Câu 16. Đáp án C. Tăng chậm lại.
Quy mô dân số nước ta vẫn tăng nhưng tốc độ gia tăng dân số đã giảm so với trước. Vì vậy nhận xét đúng là quy mô dân số tăng chậm lại. Chọn **C**.

Câu 17. Đáp án D. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.
Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản, tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Chọn **D**.

Câu 18. Đáp án B. Địa hình khá bằng phẳng, đất thích hợp cho cây trồng, khí hậu cận xích đạo.
Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng, nhiều đất badan và đất xám phù hợp với cây công nghiệp lâu năm; khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm thuận lợi cho cao su, cà phê, điều, hồ tiêu,... Vì vậy vùng có diện tích trồng cây công nghiệp lớn. Chọn **B**.

PHẦN II. Đúng/Sai

Câu 1

a) Đúng.
Đồng bằng sông Hồng có dân số đông, mật độ dân số rất cao. Với mật độ khoảng ${1037}$ người/km², đây là vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay.

b) Sai.
Dân số đông, mật độ dân số cao tạo nguồn lao động và thị trường lớn, nhưng không phải nguyên nhân trực tiếp làm cho Đồng bằng sông Hồng là vùng tập trung nhiều khu công nghiệp nhất cả nước. Sự phân bố khu công nghiệp còn phụ thuộc vào vị trí, hạ tầng, vốn đầu tư, thị trường, chính sách phát triển,...

c) Sai.
Đồng bằng sông Hồng có nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống chủ yếu do lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, truyền thống văn hóa lâu đời, không phải chủ yếu do có nhiều dân tộc cùng chung sống.

d) Đúng.
Vùng có lực lượng lao động dồi dào, tỉ lệ lao động qua đào tạo cao, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp hiện đại và dịch vụ chất lượng cao.

Câu 2

a) Đúng.
Thông tin nêu địa hình phức tạp, có cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn, đồng bằng ven biển; đất đa dạng, khí hậu cận xích đạo gió mùa. Đây là đặc điểm của miền địa lí tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

b) Sai.
Miền có nền nhiệt cao quanh năm, khí hậu cận xích đạo, thuận lợi cho nông nghiệp nhiệt đới, không phải chủ yếu cho nền nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới.

c) Đúng.
Đất phèn, đất mặn có xu hướng gia tăng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn và suy giảm nguồn nước ngọt từ thượng nguồn. Vì vậy cần chuyển đổi sinh kế, cơ cấu cây trồng - vật nuôi theo hướng thích ứng tự nhiên.

d) Sai.
Nhiệt độ cao, biên độ nhiệt năm nhỏ chủ yếu do vị trí gần xích đạo. Gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng yếu đến Nam Bộ, không phải nguyên nhân chủ yếu làm miền này có biên độ nhiệt nhỏ.

Câu 3

a) Sai.
Quan sát biểu đồ, trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a không phải thấp nhất. Cột nhập khẩu của Ma-lai-xi-a thấp hơn. Vì vậy nhận xét này sai.

b) Đúng.
Cột xuất khẩu của Việt Nam cao nhất trong ba nước, cao hơn In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a. Vì vậy nhận xét đúng.

c) Sai.
Cán cân thương mại được tính bằng xuất khẩu - nhập khẩu. Quan sát biểu đồ, Ma-lai-xi-a có xuất siêu nhưng mức xuất siêu không cao hơn In-đô-nê-xi-a. Vì vậy nhận xét sai.

d) Đúng.
Việt Nam có trị giá xuất khẩu lớn hơn trị giá nhập khẩu nên cán cân thương mại là xuất siêu. Vì vậy nhận xét đúng.

Câu 4

a) Đúng.
Nước ta có khối lượng nông sản xuất khẩu lớn nhờ phát triển nông nghiệp hàng hóa, hình thành các vùng chuyên canh, đẩy mạnh chế biến và mở rộng thị trường xuất khẩu.

b) Sai.
Tăng cường đầu tư của doanh nghiệp là giải pháp quan trọng, nhưng không phải giải pháp quan trọng nhất trong mọi trường hợp. Để nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp cần đồng bộ nhiều giải pháp như ứng dụng khoa học - công nghệ, giống mới, cơ giới hóa, tổ chức sản xuất, chế biến, thị trường,...

c) Sai.
Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, nhưng trong cơ cấu GDP, tỉ trọng nông nghiệp có xu hướng giảm khi đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy nói tỉ trọng ngành nông nghiệp càng tăng là sai.

d) Đúng.
Phát triển nông nghiệp hợp lí giúp khai thác hiệu quả đất đai, khí hậu, nguồn nước, sinh vật và các điều kiện tự nhiên khác, đồng thời góp phần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

Câu 1

Tổng trị giá xuất nhập khẩu là $786,9$ tỉ USD.

Trị giá xuất khẩu là $405,9$ tỉ USD.

Trị giá nhập khẩu là:
$786,9 - 405,9 = 381,0$

tỉ USD.

Cán cân xuất nhập khẩu là:
$405,9 - 381,0 = 24,9$

tỉ USD.

Vậy cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là **24,9 tỉ USD**.

Câu 2

Lượng mưa trung bình năm được tính bằng trung bình cộng lượng mưa của 12 tháng.

Tổng lượng mưa 12 tháng là:
$110,5 + 32,1 + 55,2 + 14,2 + 150,1 + 60,2 + 224,0 + 22,2 + 882,5 + 403,2 + 148,5 + 43,4 = 2146,1$

mm.

Lượng mưa trung bình năm là:
$2146,1 : 12 = 178,84$

mm.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **179 mm**.

Câu 3

Tỉ trọng của Đồng bằng sông Hồng trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được tính theo công thức:

$$= \frac{Dong\ bang\ song\ Hong}{Ca\ nuoc} \times 100$$

Tỉ trọng .

Năm 2020:

$$\frac{1133379,9}{4847645,3} \times 100 = 23,38\%$$

.

Năm 2023:

$$\frac{2699757,8}{5913743,7} \times 100 = 45,65\%$$

.

Mức tăng tỉ trọng là:

$$45,65 - 23,38 = 22,27\%$$

.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **22,3%**.

Câu 4

Số dân thành thị được tính theo công thức:

$$So\ dan\ thanh\ thi = dan\ so \frac{ti\ le\ dan\ thanh\ thi}{100}$$

.

Thay số:

$$100,3 \times \frac{38,1}{100} = 38,2143$$

triệu người.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **38,2 triệu người**.

Câu 5

Bình quân lương thực trên đầu người được tính theo công thức:

$$binh\ quan = \frac{san\ luong\ luong\ thuc}{dan\ so}$$

.

$47,85$

Đổi triệu tấn ra kg:

$47,85 = 47,85 \times 1000$

triệu tấn triệu kg.

Bình quân lương thực trên đầu người là:

$$\frac{47,85 \times 1000}{101,3} = 472,36$$

kg/người.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **472 kg/người**.

Câu 6

Nhiệt độ trung bình năm được tính bằng trung bình cộng nhiệt độ 12 tháng.

Nhiệt độ trung bình năm 2020 là:

$$\frac{26,6 + 26,4 + 27,9 + 29,5 + 30,3 + 28,9 + 28,6 + 28,2 + 28,5 + 27,3 + 27,7 + 26,8}{12} = 28,06^{\circ}C$$

.

Nhiệt độ trung bình năm 2024 là:

$$\frac{26,9 + 27,6 + 28,3 + 30,1 + 30,8 + 29,4 + 28,1 + 29,2 + 28,1 + 28,4 + 28,4 + 27,0}{12} = 28,53^{\circ}C$$

.

Mức cao hơn của năm 2024 so với năm 2020 là:

$28,53 - 28,06 = 0,47^{\circ}C$

.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **0,5°C**.